TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 96/2025/QĐST-LĐ	*Dĩ An, ngày 20 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đào Thị Thu Vân.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 90/2025/TLST-VLĐ, ngày 05/5/2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 50/2025/QĐST-VLĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1987; thường trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; thường trú: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ liên hệ: đội H, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần C; trụ sở: Lô C, đường số B, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của công ty: ông Hà Duy H1 – chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 167/UQ-BHXH ngày 08/5/2025. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Tại đơn yêu cầu và quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Phương T trình bày: Từ tháng 7/2006 đến tháng 8/2008, bà T làm việc tại Công ty TNHH S và có đóng bảo hiểm xã hội số: 0206295172. Nay, bà T liên hệ Bảo hiểm xã hội tiến hành điều chỉnh thông

tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà T bị trùng thời gian đóng BHXH.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên bà T có cho em gái là chị Nguyễn Thị H mượn thông tin cá nhân của bà để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty Cổ phần C; địa chỉ: Lô C, đường số B, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương từ tháng 11/2007 đến tháng 8/2008, trong thời gian này, bà T vẫn đang ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S. Vì vậy, bà T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2007 đến tháng 8/2008, tương đương thời gian chị Nguyễn Thị H mượn hồ sơ của bà T. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà T (do chị Nguyễn Thị H mượn thông tin cá nhân) với Công ty Cổ phần C là vô hiệu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì bà T không yêu cầu giải quyết.

- Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày: chị H là em gái ruột của bà Nguyễn Thị Phương T, vào thời điểm tháng 11/2007 đến tháng 8/2008 do không hiểu biết về mặt pháp luật nên chị H đã mượn thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị Phương T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C và trực tiếp làm việc tại Công ty này, có đóng BHXH số: 5112012834. Trong thời gian này, bà T cũng đang làm việc tại Công ty TNHH S, nên bị trùng bảo hiểm xã hội. Nay, bà T yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa bà T (do chị H mượn thông tin cá nhân) với Công ty Cổ phần C là vô hiệu thì chị H đồng ý. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì chị H không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình tố tụng, Công ty Cổ phần C không cung cấp cho Toà án ý kiến đối với việc yêu cầu của bà Phạm Thị Phương T2 và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G) cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1987, số CCCD 051187016423, với mã số BHXH 9107253811, có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 11/2007 đến tháng 01/2009, chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu, BHXH thành phố D còn phát hiện bà Nguyễn Thị Phương T còn có mã số 7908478800 từ tháng 11/2008 đến tháng 11/2008 tại Công ty TNHH D (Việt Nam).

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị Phương T và Công ty Cổ phần C, thì đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Dĩ An căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/ND-CP quy định về việc xử hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị Phương T, thì Cơ quan BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị Phương T thì Cơ quan BHXH không có ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà T, bà H, Bảo hiểm xã Hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty Cổ phần C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất khai: Trong thời gian từ tháng 11/2007 đến tháng 8/2008, người lao động bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1987, số CCCD 051187016423 với Công ty Cổ phần C có ký hợp đồng lao động và được Công ty T3, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 5112012834. Tuy nhiên, bà T và chị H thừa nhận người ký hợp đồng lao động và thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần C là chị Nguyễn Thị H chứ không phải bà Nguyễn Thị Phương T, do thời điểm ký hợp đồng không hiểu biết về mặt pháp luật nên chị H đã mượn thông tin cá thân của bà T để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C. Đồng thời, bản thân bà T trong thời gian từ tháng 7/2006 đến tháng 8/2008 đang ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH S. Khi ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C, chị H không khai rõ thông tin về việc chị H mượn thông tin của bà T để ký hợp đồng với Công ty nên Công ty Cổ phần C không hề hay biết sự việc này. Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 11/2008, bà Nguyễn Thị Phương T còn tham gia ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH D (Việt Nam), có tham gia BHXH số 7908478800. Như vậy, trong thời gian từ tháng 11/2007 đến tháng 8/2008 và từ tháng 11/2008 đến tháng 11/2008, bà T chỉ tham gia ký kết và làm việc thực tế tại 02 công ty, đó là: Công ty TNHH S và Công ty TNHH D (Việt Nam), không có làm việc tại Công ty Cổ phần C. Lời trình bày của bà T và chị H cũng phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội D, Bình Dương và các sổ BHXH bà T cung cấp trong hồ sơ vụ việc. Xét thấy, việc chị H lấy thông tin cá nhân của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó, bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị Phương T (do chị Nguyễn Thị H mượn thông tin giấy tờ) với Công ty Cổ phần C là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Về lệ phí: bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 15, 16, 49 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào các Điều: 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các cứ vào Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Phương T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Phương T , sinh năm 1987, số CCCD 051187016423, với mã số BHXH 5112012834 với Công ty Cổ phần C vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008209 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân